

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 628/2023/HC-PT

Ngày: 25/8/2023

V/v: “*kiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ, đền bù giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khánh;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 606/2022/TLPT-HC ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ, đền bù giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất*” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2022/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9330/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** Ông Lê Văn L, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:*

+ Ông Lê Văn C, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số A đường H, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số A thôn B, xã T, huyện T, thành phố

Hải Phòng; có mặt.

+ Ông Phạm Bá T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số B đường N (số C) phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:*

+ Ông Hoàng Doanh T1 - Luật sư Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

+ Ông Trần Đại P và ông Trần Văn H1 - Luật sư Công ty L3, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; đều có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T2 - Luật sư Công ty L3, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng;

Địa chỉ trụ sở: Số E đường Đ, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn V, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T; vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị Thanh H2; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện là ông Lê Văn L và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Lê Văn Lơ là người sử dụng đất tại thửa đất số 166, tờ bản đồ số 6, diện tích 1023 m², địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Về nguồn gốc thửa đất ông L trình bày là do gia đình ông L san lấp mặt ao hồ, khai hoang phục hóa từ trước năm 1972, gia đình đã sử dụng ổn định, lâu dài từ thời điểm đó cho đến nay, không có tranh chấp với ai, chính quyền địa phương cũng không có ý kiến gì về việc sử dụng đất của gia đình ông L.

Thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu Đô thị M (sau đây gọi tắt là Dự án Bắc sông C), Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 946/QĐ-UBND ngày 10/3/2020; Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (Ban hành kèm Phương án điều chỉnh bổ sung bồi thường số 22/PA-TCT); Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1079/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 và

Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 5839/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện T.

Ông L không đồng ý với các quyết định trên của UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T bởi các lý do sau:

- UBND huyện T thu hồi của gia đình ông L diện tích 1023 m² đất là đúng, ông L thừa nhận đã bị thu hồi diện tích đất nêu trên. Tuy nhiên, UBND huyện T lại xác định trong tổng diện tích đất 1023 m² đất, chỉ có 500 m² đất được bồi thường theo giá đất ở, 523 m² được xác định là đất trồng cây lâu năm là không đúng. Thực tế toàn bộ diện tích 1023 m² đất đều là đất ở do trong sổ mục kê thể hiện toàn bộ diện tích đất này là đất thổ cư.

- Việc UBND huyện T xác định vị trí thửa đất để xác định giá bồi thường cũng không đúng vì thực tế, thửa đất của gia đình ông L nằm ở vị trí mặt ngõ đầu nối với đường tỉnh lộ 359, nên phải xác định giá đất ở vị trí số 2.

- Đơn giá áp dụng bồi thường là không đúng quy định mà phải áp dụng giá bồi thường ở thời điểm có quyết định thu hồi đất và phải bồi thường giá đất theo giá thị trường (theo giá đấu giá đất trên địa bàn).

- Việc giao đất tái định cư cho bà Lê Thị Thanh H2 là không đúng. Nguồn gốc thửa đất là của cụ Lê Văn T3 (bố đẻ của ông L) nhưng khi bồi thường thì UBND huyện T lại trả cho bà Lê Thị Thanh H2 là không đúng, bà H2 không phải là vợ hợp pháp của ông Lê Văn C1 (con của cụ Lê Văn T3), bà H2 chung sống với ông C1 từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn và đã có 03 con chung. Ông L ở trên thửa đất trên từ năm 1972 đến nay. Ông L đề nghị ông L phải được giao một lô tái định cư riêng, không chung với bà H2, diện tích giao đất tái định cư cho ông L là 200 m².

- UBND huyện T khi ban hành Quyết định thu hồi đất chưa thực hiện việc treo công khai bản đồ quy hoạch 1/500 của dự án, không công khai biên bản bàn giao mốc giới của dự án, không tổ chức triển khai việc cắm mốc giải phóng mặt bằng trên thực địa. Do đó, gia đình không thể xác định được diện tích đất bị thu hồi của mình có thuộc phạm vi dự án không.

Ông Lê Văn L khởi kiện đề nghị Tòa án hủy các quyết định:

- Hủy Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lê Văn L.

- Hủy Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (ban hành kèm theo Phương án điều chỉnh bổ sung bồi thường số 22/PA-TCT của Trung tâm phát triển quỹ đất UBND huyện T).

- Hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1079/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của Chủ tịch UBND huyện T.

- Hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 5839/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện T.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T phải bồi thường, khắc phục hậu quả xuất phát từ những hành vi trái pháp luật gây ra, bao gồm giá trị căn nhà và các tài sản gắn liền với đất đã bị UBND huyện T hủy hoại, tổng giá trị khoảng 300 triệu đồng.

- Buộc UBND huyện T phải công khai toàn bộ thông tin quy hoạch của dự án cùng các quy định liên quan đến nghĩa vụ cung cấp thông tin quy hoạch, thông tin thu hồi đất.

- Đề nghị UBND huyện T giao cho ông L một lô tái định cư riêng, không chung với bà H2, diện tích giao đất tái định cư cho ông L là 200 m².

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện có yêu cầu khởi kiện bổ sung: Yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của cụ Lê Văn T3 để lại là diện tích 1023 m² đất bị thu hồi và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật. Yêu cầu Tòa án bổ sung người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những người thuộc hàng thừa kế của cụ T3. Yêu cầu UBND huyện T tạm giữ số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 1023 m² đất bị thu hồi, đợi kết quả giải quyết vụ án chia di sản thừa kế làm căn cứ xác định ai là người được hưởng số tiền bồi thường, hỗ trợ khi đất của cụ T3 bị thu hồi.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện T và UBND huyện T thống nhất trình bày:

Thực hiện Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Dự án Bắc sông C. UBND huyện T ra Thông báo số 113/TB-UBND ngày 17/4/2017 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Bắc sông C tại các xã: T, D, H. UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc thu hồi đất, thu hồi diện tích 1023 m² đất (trong đó 500 m² đất đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất như đất ở và 523 m² đất trồng cây lâu năm) của hộ bà Lê Thị Thanh H2 và ông Lê Văn L tại thửa đất số 321, tờ bản đồ số 03 thuộc thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án B. Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (ban hành kèm theo Phương án điều chỉnh bổ sung bồi thường số 22/PA-TCT thể hiện mức giá bồi thường cho hộ ông L, bà H2 về đất ở là 2.410.000 đồng/m², đất trồng cây lâu năm là 66.000

đồng/m², tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 1.713.731.315 đồng. Phương án số 02/PA-TCT điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ tính lại giá bồi thường đối với đất trồng cây lâu năm là 80.000 đồng/m².

Người bị kiện không chấp nhận các quan điểm của người khởi kiện, vì:

- UBND huyện T áp dụng đơn giá đất theo Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố. Ngày 31/12/2019, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND quy định về bảng giá đất thành phố Hải Phòng 05 năm (2020-2024). Ngày 21/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 3221/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án. Theo giá đất tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND và Quyết định số 3221/QĐ-UBND không có sự thay đổi. Do đó, việc UBND huyện T áp giá đền bù đất đã đảm bảo đúng quy định khoản 3 Điều 114 và điểm d khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013.

- Về nguồn gốc sử dụng đất: Theo Mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 do Công ty Cổ phần T4 lập, được Sở T5 thẩm định ngày 11/4/2017 để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án thì hộ bà Lê Thị Thanh H2 đang sử dụng diện tích 1023 m² đất tại thửa số 166, tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Trong đó: Diện tích 500 m² là đất ở, có nguồn gốc là đất đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất ở; diện tích 523m² còn lại là đất trồng cây lâu năm của hộ gia đình. Căn cứ Điều 75 Luật Đất đai 2013, việc hộ ông Lê Văn L kiến nghị bồi thường là đất ở đối với toàn bộ diện tích 1023 m² là không có cơ sở giải quyết.

- UBND huyện T đã thực hiện việc công khai bản đồ quy hoạch dự án, đồng thời tổ chức triển khai việc cắm mốc giải phóng mặt bằng trên thực địa theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc cưỡng chế thu hồi đất: Quá trình thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất, Ủy ban nhân dân huyện T đã thông báo chi trả tiền bồi thường, tổ chức đối thoại, trả lời các kiến nghị của hộ bà Lê Thị Thanh H2 và ông Lê Văn L. Ủy ban nhân dân xã T, các ban ngành đoàn thể của xã T đã tuyên truyền, vận động hộ gia đình để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án. Tuy nhiên hộ bà Lê Thị Thanh H2 và ông Lê Văn L vẫn không chấp hành quyết định thu hồi đất của UBND huyện T. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 71 Luật đất đai năm 2013, việc Chủ tịch UBND huyện T ban hành các Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1079/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 và

Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 5839/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 là đúng quy định của pháp luật.

- Việc ông L yêu cầu UBND huyện T bồi thường giá trị căn nhà và các tài sản khác gắn liền với đất là 300.000.000 đồng: Việc áp giá bồi thường đất, tài sản gắn liền với đất và ban hành các quyết định cưỡng chế thu hồi đất đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông L.

- Về việc cấp đất tái định cư: Tại thời điểm kiểm kê và lập phương án bồi thường, hỗ trợ, hộ bà Lê Thị Thanh H2 kê khai có 08 nhân khẩu, đang ăn ở, sinh hoạt trên thửa đất bị thu hồi gồm:

+ Hộ 01: Lê Thị Thanh H2 (chủ hộ), Lê Thị C2 (con), Lê Thị Thanh V1 (con riêng), Lê Hoàng A (cháu), Lê Kim Bảo A1 (cháu).

+ Hộ 02: Lê Văn D (chủ hộ - con bà H2), Nguyễn Thị Mỹ D1 (vợ), Lê Nhật D2 (con).

Ông L chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ đất bị thu hồi nhưng không thực tế ăn ở, sinh hoạt tại địa chỉ trên. Căn cứ vào các nhân khẩu đang ăn ở trên đất thu hồi, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Do đó, UBND huyện T giao: 01 lô đất tái định cư (hộ chính) cho hộ bà Lê Thị Thanh H2 và 01 lô đất tái định cư (hộ phụ) cho hộ ông Lê Văn D. Việc ông L yêu cầu cấp cho ông L một lô tái định cư là không có căn cứ do tại thời điểm kiểm kê, thu hồi đất, ông L đã có chỗ ở ổn định khác tại Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người bị kiện đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2022/HC-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã áp dụng Điều 7, khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 66, 69, 71, 75 Luật Đất đai năm 2013; Điều 76 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc thu hồi đất của UBND huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (ban hành kèm theo Phương án điều chỉnh bổ sung bồi thường số 22/PA-TCT) của UBND huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1079/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 5839/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng.

2. Bác yêu cầu của người khởi kiện về việc đề nghị tuyên hành vi hành chính cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện T trái pháp luật.

3. Bác yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị tuyên UBND huyện T không công khai toàn bộ thông tin quy hoạch của dự án.

4. Không chấp nhận yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại đối với hành vi trái pháp luật gây ra bao gồm giá trị căn nhà và các tài sản gắn liền với đất đã bị UBND huyện T hủy hoại, tổng giá trị khoảng 300.000.000 đồng.

5. Kiến nghị UBND huyện T xem xét yêu cầu của ông Lê Văn L đề nghị tạm dừng chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 1023 m² đất bị thu hồi theo Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc thu hồi đất và Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (ban hành kèm theo Phương án điều chỉnh bổ sung bồi thường số 22/PA-TCT) của UBND huyện T, thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2022, người khởi kiện là ông Lê Văn L có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đều đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tài liệu trong hồ sơ có quan điểm thể hiện: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử

phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn L có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 204, 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Ngày 27/9/2021, ông Lê Văn L nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính và các ngày 06/12/2021, 07/3/2022, 22/4/2022, ngày 27/4/2022 và ngày 26/6/2022 ông L nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc thu hồi đất; Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (ban hành kèm theo Phương án điều chỉnh bổ sung bồi thường số 22/PA-TCT) của UBND huyện T; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1079/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 và Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 5839/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện T; buộc Ủy ban nhân dân huyện T phải bồi thường, khắc phục hậu quả xuất phát từ những hành vi trái pháp luật gây ra, bao gồm giá trị căn nhà và các tài sản gắn liền với đất đã bị UBND huyện T hủy hoại, tổng giá trị khoảng 300 triệu đồng; buộc UBND huyện T phải công khai toàn bộ thông tin quy hoạch của dự án cùng các quy định liên quan đến nghĩa vụ cung cấp thông tin quy hoạch, thông tin thu hồi đất và đề nghị UBND huyện T giao cho ông L một lô tái định cư riêng, không chung với bà H2, diện tích giao đất tái định cư cho ông L là 200 m². Đây là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Về việc xác định tư cách của những người tham gia tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân

huyện T, thành phố Hải Phòng là người bị kiện, bà Lê Thị Thanh H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đầy đủ phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu bổ sung những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Lê Văn T3 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Những người này trong quá trình thực hiện Quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, trong quá trình giải quyết tại Tòa án không có ý kiến gì. Người khởi kiện có cung cấp cho Tòa án các Biên lai thu thuế nhà, đất năm 2008 và năm 2007, người nộp thuế là cụ Lê Văn T3. Tuy nhiên, tài liệu này không phải là một trong những giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013. Sổ sách nguồn gốc đất của địa phương không có tên cụ T3, người đang sử dụng đất khi bị thu hồi cũng không có tên cụ T3. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L đề nghị chia di sản thừa kế của cụ T3 và đã nộp đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người thuộc hàng thừa kế của cụ T3 vào tham gia tố tụng là có căn cứ, đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành các quyết định hành chính:

[2.1.1] Đối với Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc thu hồi đất; Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (ban hành kèm theo Phương án điều chỉnh bổ sung bồi thường số 22/PA-TCT):

UBND huyện T đã thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định: Thông báo thu hồi đất, ban hành Quyết định thu hồi đất, kiểm kê đất đai tài sản có trên đất, lấy ý kiến lập và thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư, ban hành Quyết định phê duyệt và niêm yết công khai phương án bồi thường hỗ trợ. UBND huyện cũng đã thực hiện việc treo công khai bản đồ quy hoạch 1/500 tại trụ sở UBND các xã có đất bị thu hồi. Căn cứ Điều 66, Điều 69 và Điều 75 Luật Đất đai 2013, việc UBND huyện T ban hành các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và các phương án đi kèm đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Người khởi kiện cho rằng UBND huyện T vi phạm trình tự, thủ tục thu hồi đất là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.1.2] Đối với Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1079/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 và Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 5839/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện T:

Quá trình thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất, UBND huyện T đã thông báo chi trả tiền bồi thường, tổ chức đối thoại, trả lời các kiến nghị của hộ bà Lê Thị Thanh H2 và ông Lê Văn L. Ủy ban nhân dân xã T, các ban ngành đoàn thể của xã T đã tuyên truyền vận động hộ gia đình để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án. Tuy nhiên hộ bà Lê Thị Thanh H2 và ông Lê Văn L không chấp hành quyết định thu hồi đất của UBND huyện T. Do đó Chủ tịch UBND huyện T đã tiến hành cưỡng chế thu hồi đất là phù hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 71, Điều 75 Luật đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung ban hành quyết định:

Việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ, Hội đồng bồi thường huyện T đã căn cứ: Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai 2013, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai (Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014) quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các văn bản quy phạm pháp luật do UBND thành phố H ban hành theo thẩm quyền được áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

[2.3] Đối với việc treo công khai bản đồ quy hoạch và xác định thửa đất thu hồi nằm trong Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M:

Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 về phê duyệt quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M, ban hành Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của UBND thành phố H thay thế Quyết định số 1677/QĐ-UBND. Triển khai Dự án, UBND huyện T đã phối hợp với các cơ quan truyền thông công khai, tuyên truyền, tổ chức hội nghị đối thoại, tiếp công dân, trả lời công khai các kiến nghị của nhân dân về quy hoạch, mốc giới thu hồi đất thực hiện Dự án trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết bản đồ quy hoạch cũng như các văn bản có liên quan tại trụ sở UBND các địa phương, các khu dân cư nơi có đất thu hồi theo đúng quy định.

Theo Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của UBND thành phố H, Bản đồ quy hoạch và Mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 do Công ty Cổ phần T4 lập, được Sở tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 11/4/2017, thửa đất số 166 tờ bản đồ số 06 nằm hoàn toàn trong chỉ giới thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M. Do đó, không có

căn cứ chấp nhận yêu cầu buộc UBND huyện T phải công khai toàn bộ thông tin quy hoạch của dự án cùng các quy định liên quan đến nghĩa vụ cung cấp thông tin quy hoạch, thông tin thu hồi đất của người khởi kiện.

[2.4] Về vị trí đất và giá đất bồi thường:

Theo mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 do Công ty cổ phần T4 lập, được Sở tài nguyên và môi trường thẩm định ngày 11/4/2017 để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án thì hộ bà Lê Thị Thanh H2 và ông Lê Văn L đang sử dụng diện tích 1023 m² đất tại thửa số 166 tại địa chỉ thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, diện tích đất này thuộc vị trí đoạn từ Miếu C3 đến cuối đường (Đầu nối với đường B-P-TL359).

Sau khi có quyết định thu hồi đất, UBND huyện T đã căn cứ Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 về phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M (giai đoạn 2) trên địa bàn huyện T để áp giá đất tính tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Lê Văn L và bà Lê Thị Thanh H2. Ngày 31/12/2019, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND quy định về bảng giá đất thành phố Hải Phòng 05 năm (2020-2024). Ngày 21/12/2020, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3221/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án. Ngày 16/4/2021, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1118/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2021. Theo giá đất tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND và Quyết định số 3221/QĐ-UBND không có sự thay đổi. Việc UBND huyện T áp giá đền bù đất đã đảm bảo đúng quy định tại khoản 3 Điều 114 và điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xem xét lại giá đất của người khởi kiện là có căn cứ.

[2.5] Đối với việc xác định nguồn gốc đất:

Người khởi kiện trình bày, diện tích đất bị thu hồi có nguồn gốc là của cụ Lê Văn T3 (bố đẻ của ông L), do gia đình ông L san lấp mặt ao hồ, khai hoang phục hóa từ trước năm 1972, gia đình đã sử dụng ổn định, lâu dài từ thời điểm đó cho đến nay, không có tranh chấp với ai, chính quyền địa phương cũng không có ý kiến gì về việc sử dụng đất của gia đình. Người bị kiện là UBND huyện T trình bày: Theo sổ mục kê kiểm thống kê lưu trữ tại UBND xã thì toàn bộ diện tích 1023 m² đất bị thu hồi có nguồn gốc chủ sử dụng đất là Bền B,

không có tài liệu nào thể hiện là của cụ Lê Văn T3 (bố đẻ ông Lê Văn L). Hơn nữa, khi xem xét bồi thường cho hộ ông L và bà H2, UBND huyện T đã căn cứ khoản 1 Điều 2 Quyết định số 1394/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định về hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao để vận dụng, công nhận 500 m² đất ở trên tổng diện tích 1023 m² đất cho hộ ông L, bà H2 khi bồi thường là phù hợp.

[2.6] Về việc xác định đối tượng bị thu hồi đất:

Người khởi kiện cho rằng nguồn gốc đất bị thu hồi là của cụ Lê Văn T3, tuy nhiên UBND huyện T lại xác định đối tượng bị thu hồi đất là hộ ông L, bà H2 là sai đối tượng thu hồi. Đồng thời ông L trình bày đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng về việc đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn T3 theo quy định của pháp luật. Xét thấy không cần thiết đưa những người thuộc hàng thừa kế của cụ Lê Văn T3 vào tham gia tố tụng trong vụ án hành chính này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm này của Tòa án cấp sơ thẩm.

Kiến nghị UBND huyện T xem xét yêu cầu của ông Lê Văn L về việc tạm dừng việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và vật kiến trúc trên đất theo Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc thu hồi đất; Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (ban hành kèm theo Phương án điều chỉnh bổ sung bồi thường số 22/PA-TCT), chờ kết quả giải quyết của Tòa án đối với yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Lê Văn T3 để xem xét đối tượng được nhận tiền bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.

[2.7] Đối với việc bố trí tái định cư: Tại thời điểm kiểm kê và lập phương án bồi thường hỗ trợ, hộ bà Lê Thị Thanh H2 kê khai có 08 nhân khẩu đang ăn ở, sinh hoạt trên thửa đất bị thu hồi gồm:

- Hộ 1: Bà Lê Thị Thanh H2, sinh năm 1966 (chủ hộ); Lê Thị C2, sinh năm 2002 (con bà H2); Lê Thị Thanh V1, sinh năm 1991 (con riêng bà H2); Lê Hoàng A, sinh năm 2016 (con V1); Lê Kim Bảo A1, sinh năm 2017 (con V1).

- Hộ 2: Anh Lê Văn D, sinh năm 1993 (chủ hộ - con bà H2); chị Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh năm 1997 (vợ D); Lê Nhật D2, sinh năm 2007 (con D).

Tại Biên bản làm việc ngày 16/8/2019 giữa Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T, Văn phòng Đ chi nhánh huyện T, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T; Ủy ban nhân dân xã T và ông Lê Văn L, ông L có trình bày: Trước năm 1972, hộ cụ Lê Văn T3 sử dụng đất với mục đích làm nhà ở. Năm 1983,

ông Lê Văn L (con cụ Lê Văn T3) kết hôn với bà Hoàng Thị L1 và sinh sống với ông Lê Văn L. Năm 1990, ông Lê Văn L không ăn ở trên đất của cụ Lê Văn T3 và chuyển về đất của bà Hoàng Thị L1 để ăn ở, sinh sống cho đến nay. Biên bản làm việc có chữ ký của đại diện chính quyền địa phương và ông Lê Văn L. Do đó có thể khẳng định, tại thời điểm thu hồi đất, ông L không thực tế ăn ở, sinh hoạt tại thửa đất bị thu hồi. Căn cứ vào các nhân khẩu đang ăn ở, sinh hoạt trên đất thu hồi, đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Việc UBND huyện T giao 01 lô đất tái định cư (hộ chính) cho hộ bà Lê Thị Thanh H2 và 01 lô đất tái định cư (hộ phụ) cho hộ ông Lê Văn D là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện đề nghị được giao thêm 01 lô đất tái định cư diện tích 200m² là đúng quy định.

[2.8] Đối với yêu cầu tuyên hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện T là trái luật:

Sau khi có quyết định thu hồi đất, mặc dù đã được UBND huyện T, UBND xã T, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã T nhiều lần vận động, thuyết phục nhưng hộ gia đình ông L, bà H2 không tự nguyện bàn giao đất. Chủ tịch UBND huyện T căn cứ Điều 71 Luật đất đai 2013 ban hành Quyết định và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định. Do đó không có căn cứ chấp nhận phản kháng cáo này của người khởi kiện.

[2.9] Đối với yêu cầu buộc Chủ tịch UBND huyện T phải bồi thường, khắc phục hậu quả xuất phát từ những hành vi trái pháp luật gây ra bao gồm giá trị căn nhà và các tài sản gắn liền với đất đã bị UBND huyện T hủy hoại, tổng giá trị khoảng 300.000.000 đồng. Căn cứ khoản 4 Điều 67 và Điều 71 Luật đất đai 2013 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định cưỡng chế là đúng quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền; do đó không có căn cứ xác định hành vi của Chủ tịch UBND huyện T trái luật; vì vậy yêu cầu bồi thường thiệt hại của người khởi kiện không có căn cứ chấp nhận.

[2.10] Từ những phân tích nêu trên thấy Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lê Văn L; Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (ban hành kèm theo Phương án điều chỉnh bổ sung bồi thường số 22/PA-TCT) của UBND huyện T; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 5839/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 và Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1079/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của Chủ tịch UBND huyện T đã được ban

hành đúng quy định pháp luật về cả thẩm quyền, trình tự thủ tục và nội dung. Hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND thành phố được thực hiện đúng quy định vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện hủy các Quyết định hành chính và hành vi hành chính nêu trên.

[2.11] Đối với yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại: Do không có hành vi hành chính trái luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của người khởi kiện.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã giải quyết vụ án đảm bảo đúng, đầy đủ quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông L; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Về án phí, do không được chấp nhận kháng cáo, ông Lê Văn L phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Lê Văn L, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2022/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;

2. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Lê Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000853 ngày 11/10/2022 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Khánh